

Bản án số: 100/ 2023/HC-PT
Ngày: 17/4/ 2023
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tào**

Các thẩm phán: bà **Trần Thị Kim Liên**

ông **Phạm Ngọc Thái**

- Thư ký phiên tòa: bà **Võ Thị Nhị Tứ** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 16/2023/TLPT-HC ngày 07 tháng 02 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 34/2022/HC- ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1117/2023/QĐPT-HC ngày 31 tháng 3 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

- Ông Nguyễn T, sinh năm 1966; Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1965; Vắng.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Thiều Quang V - Văn phòng Luật sư Q, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Tổ 5, phường N, thành phố Q1, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh H1 - Chủ tịch. Có mặt.

2.2. Chủ tịch UBND xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi. Ông Đỗ Minh H1 - Chủ tịch. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Đỗ Văn B2 - Công chức Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp và Môi trường xã B. Có mặt.

- Ông Bùi Minh C - Công chức Văn phòng - Thống kê xã B. Có mặt.

2.3. Chủ tịch UBND huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn D1 - Phó Chủ tịch. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn D1 - Phó Chủ tịch. Vắng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2. Ông Nguyễn Đ1, sinh năm 1961; Vắng.

3.3. Bà Trần Thị N1, sinh năm 1962; Vắng.

Cùng địa chỉ: Thôn T1, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 09/8/2021, 15/11/2021; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ghi ngày 20/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Tình, bà Nguyễn Thị G trình bày:

Vào năm 1997-1998, Nhà nước xây dựng các khu công nghiệp tại D2, mở các tuyến đường từ Dốc S đến cảng D2 và một số dự án khác. Hộ gia đình ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị G bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp khoảng 6.000m² - 7.000m² nên gặp nhiều khó khăn, không có đất để sản xuất ổn định cuộc sống. Vào tháng 02/2000, vợ chồng Ông có xây dựng quán để bán cơm trên đất của hộ gia đình (diện tích quán, nhà vệ sinh, mái hiên và các vật kiến trúc khác khoảng hơn 200m²), vợ chồng Ông buôn bán được khoảng 6 năm thì quán cơm bị trúng dự án Doosan. Để kịp tiến độ thi công và bàn giao mặt bằng, lúc này Đảng ủy và UBND xã B cùng các Ban ngành đoàn thể đến vận động và chỉ vị trí cho phép vợ chồng Ông di dời quán xuống phía Đông bờ Doosan nên vợ chồng Ông thống nhất xây dựng lại quán để tiếp tục buôn bán; việc di dời quán, gia đình Ông không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ gì. Đến năm 2011, quán cơm tiếp tục trúng trong dự án tuyến đường 5 Đông Doosan, cũng để kịp tiến độ thi công và bàn giao mặt bằng, Đảng ủy, UBND xã B và các ban ngành đoàn thể tiếp tục đến vận động vợ chồng Ông một lần nữa (bảo vợ chồng Ông viết đơn). Sau đó, Đảng ủy và UBND xã B thống nhất ký đơn cho phép di dời quán cũ trong năm 2011 để xây dựng lại quán trên đất vợ chồng Ông thuê của ông

Nguyễn Đ1 và bà Trần Thị N1 trước công ty PTSC và tiếp tục mua bán. Đến năm 2014, quán cơm của vợ chồng Ông lại trùng dự án vườn hoa trang trí tạo cảnh quang của công ty PTSC.

Không phải vợ chồng Ông xây dựng quán mới trong năm 2011, mà là Đảng ủy, UBND xã B ký đơn cho phép vợ chồng Ông được phép di dời quán cũ đã xây dựng vào tháng 02/2000. Công văn số 18/UBND ngày 02/06/2015 của Chủ tịch UBND xã B về việc đề nghị xem xét bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc của hộ ông Nguyễn T thuộc dự án vườn hoa trang trí tạo cảnh quang trước khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2 là trên cơ sở hợp xét của Hội đồng tư vấn xã, đã được thông qua tập thể chứng kiến của Hội đồng và thống nhất. Theo đó, Chủ tịch UBND xã B xác định vật kiến trúc của vợ chồng Ông được xây dựng vào tháng 02/2000 nên Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B1 áp giá bồi thường 100% là đúng thực quy định pháp luật.

Tuy nhiên vào ngày 02/11/2017, UBND xã B ban hành Công văn số 270/UBND về việc xin đình chính Công văn số 18/UBND ngày 02/06/2015 của Chủ tịch UBND xã B nhưng không gửi cho vợ chồng Ông biết, đến cuối năm 2020 thì vợ chồng Ông mới phát hiện ra Công văn này. Đây là một việc làm sai trái, tự điều chỉnh thời điểm xây dựng quán là tháng 06/2011 nên Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B1 áp giá hỗ trợ 20%, nên vợ chồng Ông không thống nhất nhận tiền.

Qua nhiều lần làm việc với UBND xã B, UBND xã lấy cớ là vợ chồng Ông viết đơn xin xây dựng quán vào năm 2011 nên cho rằng xây dựng quán vào năm 2011. Ông có làm đơn khiếu nại đến UBND xã B thì Chủ tịch UBND xã B ra Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 không công nhận nội dung khiếu nại. Vợ chồng Ông tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B1.

Qua 3 lần di dời quán vì mục đích chung, vợ chồng Ông chưa nhận được một khoản tiền bồi thường nào và thực tế là vợ chồng Ông xây dựng quán từ năm 2000 chứ không phải năm 2011 mới xây dựng quán (sự việc này được nhiều người biết rõ và làm chứng). Tại đơn xin xây dựng quán năm 2011 đã được nguyên Chủ tịch UBND xã trước đó như ông Dương Đình T2, ông Lê Quang S1 xác nhận. Nhưng quá trình giải quyết, Chủ tịch UBND huyện B1 ra Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại của vợ chồng Ông, giữ nguyên Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G, là không có căn cứ.

Vợ chồng Ông không thống nhất với Quyết định số 2273/QĐ-UBND với lý do: Việc vợ chồng Ông xây dựng quán vào tháng 02/2000 là thực tế, sau đó

nhiều lần di dời quán vì trùng vào quy hoạch mà chưa nhận được khoản tiền bồi thường, hỗ trợ nào, đến năm 2011 thì vợ chồng Ông đã di dời quán cũ lần thứ 3. Ông có viết đơn yêu cầu các ông nguyên là Chủ tịch UBND xã B qua các nhiệm kỳ xác nhận để làm cơ sở. Vậy mà UBND xã và huyện cho rằng Ông xây dựng quán vào năm 2011 và hỗ trợ 20% giá trị bồi thường là không đúng và không thỏa đáng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi kinh tế của vợ chồng Ông.

Mặt khác, trong cùng dự án này, hộ ông Nguyễn N2 (vợ Ngô Thị Diện) và hộ ông Phùng Quang H2 ban đầu được UBND huyện B1 bồi thường, hỗ trợ nhà cửa, vật kiến trúc với mức hỗ trợ 20% tại Quyết định số 2199/QĐ- UBND (hộ ông Nguyễn N2) và Quyết định số 2200/QĐ-UBND cùng ngày 14/8/2017 (hộ ông Phùng Quang H2); còn vợ chồng Ông được kiểm kê, lập phương án và áp giá bồi thường, hỗ trợ 100%. Ông Nguyễn N2 và ông Phùng Quang H2 cũng thuê đất xây dựng quán buôn bán cùng thời điểm với vợ chồng Ông và cùng trùng dự án Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2. Tuy nhiên, sau đó ông N2 và ông H2 được UBND xã B xác nhận lại thời điểm xây dựng nên mức hỗ trợ tăng lên 100% tại Quyết định bồi thường bổ sung số 1784/QĐ-UBND (hộ ông N2) và Quyết định số 1785/QĐ-UBND cùng ngày 14/5/2018 của UBND huyện B1. Riêng vợ chồng Ông lại bị áp giá bồi thường, hỗ trợ giảm 80%, chỉ còn 20% theo Quyết định số 3877/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của UBND huyện B1 là không công bằng, trái pháp luật. Từ các lý do trên, vợ chồng Ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 270/UBND ngày 02/11/2017 của UBND xã B về việc xin đình chính Công văn số 18/UBND ngày 02/6/2015 của Chủ tịch UBND xã B;

- Hủy Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của Chủ tịch UBND xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G ở thôn Đ, xã B (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện B1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G, cùng thường trú ở thôn Đ, xã B, huyện B1 (lần hai).

Tại phiên tòa ngày 21/9/2022, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị G đề nghị Hội đồng xét xử xem xét Quyết định số 3877/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của UBND huyện B1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T, xã B, huyện B1 trong quá trình giải quyết vụ án.

** Tại Văn bản ý kiến số 4057/UBND-NC ngày 23/12/2021, Văn bản số 805/UBND-NC ngày 04/4/2022 của Chủ tịch UBND huyện B1 và quá trình giải quyết vụ án ông Ngô Văn D1 - Phó Chủ tịch UBND huyện B1 trình bày:*

Ngày 28/02/2014, UBND huyện B1 ban hành Thông báo số 48/TB UBND về việc thu hồi đất để xây dựng Dự án Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2; theo đó, hộ ông Nguyễn T có xây dựng quán kinh doanh dịch vụ ăn uống nằm trên thửa đất thuê của hộ ông Nguyễn Đ1 thuộc quy hoạch dự án. Tại dự án này, ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G tự kê khai thời điểm xây dựng quán và vật kiến trúc trên đất vào tháng 02/2000 (Bảng tự kê khai đất đai và tài sản thiệt hại thuộc phạm vi đất thu hồi thực hiện công trình Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2 của hộ ông Nguyễn T ngày 09/5/2014). Ngày 02/6/2015, UBND xã B có Công văn số 18/UBND xác nhận thời điểm hộ ông Nguyễn T xây dựng quán và vật kiến trúc vào tháng 02/2000; tuy nhiên, có một số hộ dân không thống nhất về thời điểm xây dựng quán của hộ ông Nguyễn T nên UBND xã tiếp tục tổ chức cuộc họp ngày 02/10/2017 và ban hành Công văn số 270/UBND ngày 02/11/2017 đính chính thời điểm xây dựng quán của hộ ông Nguyễn T là vào năm 2011 (văn bản này không được gửi cho ông Nguyễn T); do đó, UBND huyện ban hành Quyết định số 3877/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T có tổng giá trị 79.986.576 đồng (trong đó hỗ trợ vật kiến trúc với tỷ lệ giá trị 48.376.576 đồng).

Không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ tại dự án trên, vợ chồng Nguyễn T phát sinh khiếu nại nhưng không được thụ lý theo quy định luật về khiếu nại; đến ngày 09/11/2020, ông Nguyễn T tiếp tục gửi đơn đến Chủ tịch UBND huyện để phản ánh Chủ tịch UBND xã B liên tiếp ban hành Thông báo từ chối giải quyết khiếu nại của ông. Chủ tịch UBND huyện ban hành Công văn số 3246/UBND-NC ngày 25/12/2020 chỉ đạo Chủ tịch UBND xã B mời công dân đến làm việc để xác định nội dung khiếu nại và gửi Công văn số 270/UBND ngày 02/11/2017 của UBND xã cho công dân để thực hiện quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/01/2021, UBND xã B mời vợ chồng ông Nguyễn T đến làm việc; qua đó, công dân xác định khiếu nại Công văn số 270/UBND ngày 02/11/2017 của UBND xã về việc đính chính thời điểm xây dựng quán và vật kiến trúc tại Công văn số 18/UBND ngày 02/6/2015, vì quán và vật kiến trúc được xây dựng tại dự án này là do được di dời từ vị trí thuộc các dự án trước đó mà vợ chồng ông đã tự tháo dỡ. Nội dung khiếu nại của ông Nguyễn T đã được Chủ tịch UBND xã B thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu (tại Thông báo số 08/TB-UBND ngày 27/01/2021) và thành lập Tổ công tác xác minh khiếu nại (tại Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 27/01/2021).

Căn cứ Báo cáo số 01/BC-TXM ngày 03/3/2021 của Tổ công tác về kết quả xác minh và kết quả đối thoại tại biên bản ngày 09/3/2021, Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G, thể hiện: *“Điều 1. Không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G đối với Công văn số 270/UBND ngày 02/11/2017 của Chủ tịch UBND xã B đình chính Công văn số 18/UBND ngày 02/6/2015 về việc đề nghị xem xét bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc cho hộ ông Nguyễn T thuộc Dự án: Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2. Giữ nguyên nội dung Công văn số 270/UBND ngày 02/11/2017 của Chủ tịch UBND xã B đình chính Công văn số 18/UBND ngày 02/6/2015. Việc xác nhận thời điểm bắt đầu xây dựng nhà, quán và vật kiến trúc của hộ ông Nguyễn T tại mặt bằng dự án: Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước khu 3 dịch vụ dầu khí tổng hợp D2 vào năm 2011 là đúng”*.

Không đồng ý, vợ chồng ông Nguyễn T tiếp tục phát sinh đơn ghi ngày 02/4/2021 khiếu nại Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của Chủ tịch UBND xã B, đã được Chủ tịch UBND huyện B1 thụ lý và giao Trưởng Cơ quan ủy ban Kiểm tra - Thanh tra huyện xác minh theo quy định của pháp luật (tại Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 06/4/2021).

Kết quả xác minh và giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND huyện B1, thể hiện: Năm 2011, ông Nguyễn T thỏa thuận thuê thửa đất số 224, diện tích 317,5m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN), tờ bản đồ số 01, bản đồ dự án, xã B do hộ ông Nguyễn Đ1 quản lý để xây dựng quán kinh doanh ăn uống và buôn bán tạp hóa.

Ngày 15/6/2011, ông Nguyễn T có đơn xin phép được xây dựng quán tại thửa đất trên, đã được UBND xã B (do ông Lê Quang S1 - Chủ tịch UBND xã ký) thống nhất xác nhận ngày 17/6/2011. Tuy nhiên, xét thấy việc UBND xã cho phép ông Nguyễn T xây dựng quán trên đất nông nghiệp là không đúng quy định tại Điều 11 Luật Đất đai năm 2003 về nguyên tắc sử dụng đất: *“Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất”* và Điều 15 Luật Đất đai năm 2003 quy định những hành vi bị nghiêm cấm: *“Nhà nước nghiêm cấm hành vi lấn, chiếm đất đai; không sử dụng, sử dụng đất không đúng mục đích; vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố;...”*.

Đến năm 2014, toàn bộ thửa đất trên nằm trong quy hoạch thực hiện Dự án Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2, hộ ông Nguyễn T tự kê khai thời điểm xây dựng quán và vật kiến trúc vào tháng 02/2000 (tại Bảng tự kê khai ngày 09/5/2014) và được UBND xã thống nhất xác nhận tại Công văn số 18/UBND ngày 02/6/2015. Tuy nhiên, tại Biên bản kiểm

kê đất đai và tài sản bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình trên số 08/BBKK ngày 09/5/2014 của hộ ông Nguyễn T, thể hiện thời điểm xây dựng quán và vật kiến trúc vào năm 2011 (biên bản đã được chủ hộ là ông Nguyễn T và các thành phần tham gia ký xác nhận). Căn cứ kết quả xác nhận của UBND xã B tại Công văn số 18/UBND và Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện B1 lập Phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ 100% đối với vật kiến trúc cho hộ ông Nguyễn T có tổng giá trị 201.643.110 đồng.

Ngày 15/9/2015 và ngày 02/10/2017, UBND xã B tổ chức các cuộc họp để giải quyết vướng mắc liên quan đến Dự án trên, đồng thời căn cứ đơn xin làm quán ngày 15/6/2011 để ban hành Công văn số 270/UBND ngày 02/11/2017 đính chính việc xác nhận thời điểm xây dựng quán của hộ ông.

Kết quả xác minh thực tế các hộ dân cũng đều cho biết thời điểm xây dựng quán của hộ ông Nguyễn T là vào năm 2011. Đồng thời, ý kiến giải trình của ông Nguyễn Quang Huy - Nguyên Chủ tịch UBND xã B, có nội dung: *“Vào ngày 02/6/2015, tôi là Chủ tịch UBND xã B có ký Công văn số 18/UBND về việc đề nghị xem xét bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc cho hộ ông Nguyễn T thuộc Dự án Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2. Nội dung xác nhận hộ ông Nguyễn T xây dựng vật kiến trúc (quán) vào thời điểm tháng 02 năm 2000... trong khi ký công văn đề nghị bản thân tôi thiếu kiểm tra ... qua kiểm tra thực tế thì hộ ông Nguyễn T có xây dựng vật kiến trúc (quán) vào tháng 02 năm 2000 tại vị trí trước nhà máy Doosan. Vào ngày 02/11/2017, tôi... có ký Công văn số 270/UBND về việc đính chính Công văn số 18/UBND ngày 02/6/2015.... Nội dung đính chính lại việc xác nhận thời điểm xây dựng vật kiến trúc (quán) của hộ ông Nguyễn T tại mặt bằng Dự án Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước khu dịch vụ tổng hợp D2, thời điểm xây dựng vào ngày 17/6/2011 (theo quán của ông Nguyễn T).*

Như vậy, căn cứ “Đơn xin làm quán” đề ngày 15/6/2011, biên bản số 08/BBKK ngày 09/5/2014 và kết quả xác minh thực tế cho thấy: Tại Dự án Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2, hộ ông Nguyễn T có xây dựng quán và vật kiến trúc trên thửa đất số 224, diện tích 317,5m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN), tờ bản đồ số 01, bản đồ dự án, xã B (do hộ ông Nguyễn Đ1 đang quản lý, sử dụng) vào năm 2011, tức là sau thời điểm công bố quy hoạch Khu Kinh tế Dung Quất vào tháng 5/2000.

Căn cứ điểm b khoản 16 Điều 26 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, quy định: *“Nhà, công trình phục vụ đời sống xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường đất ở thì được hỗ trợ như sau:*

...b) Nhà, công trình phục vụ đời sống xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 thì được hỗ trợ như sau:

- Xây dựng tại thời điểm chưa có hoặc không vi phạm quy hoạch được cấp có thẩm quyền công bố thì được hỗ trợ bằng 40% giá trị nhà, công trình theo quy định;

- Xây dựng tại thời điểm vi phạm quy hoạch được cấp có thẩm quyền công bố thì được hỗ trợ bằng 20% giá trị nhà, công trình theo quy định;”

UBND huyện B1 phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ (tại Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 07/12/2017) và ban hành Quyết định số 3877/QĐ UBND ngày 13/12/2017 bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T đối với vật kiến trúc với tỷ lệ 20% có giá trị 48.376.576 đồng là đúng quy định của pháp luật.

Việc UBND xã B ban hành Công văn số 270/UBND ngày 02/11/2017 đính chính Công văn số 18/UBND ngày 02/6/2015 của UBND xã về việc xác nhận thời điểm xây dựng quán và vật kiến trúc của hộ ông Nguyễn T tại Dự án trên vào năm 2011 là đúng thực tế và thời điểm xây dựng. Từ đó, Chủ tịch UBND xã B ban hành Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G, ở thôn Đ, xã B (lần đầu) là đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, ông Nguyễn T cung cấp Giấy xác nhận ngày 17/01/2014 có ý kiến của ông Dương Đình T2 và ông Lê Quang S1 xác nhận thời điểm xây dựng vào tháng 02 năm 2000 là thời điểm xây dựng các quán trước đây, không phải quán ở vị trí hiện nay nằm trong quy hoạch Dự án Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2 nên không có cơ sở xem xét.

Tại buổi đối thoại ngày 29/6/2021, ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G đều không thống nhất với kết quả xác minh của Cơ quan ủy ban Kiểm tra - Thanh tra huyện, nhưng không cung cấp được tài liệu hay chứng cứ mới làm thay đổi kết quả xác minh; đồng thời, tiếp tục yêu cầu bồi thường, hỗ trợ 100% đối với quán và vật kiến trúc cho hộ ông. Nội dung khiếu nại của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G là không đúng nên không có cơ sở xem xét. Do đó, Chủ tịch UBND huyện B1 ban hành Quyết định số 2273/QĐ UBND ngày 09/7/2021

về việc giải quyết không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G (lần hai) là đúng quy định của pháp luật.

Từ diễn biến sự việc nêu trên, Chủ tịch UBND huyện nhận thấy:

Thời điểm hộ ông Nguyễn T xây dựng quán và vật kiến trúc tại thửa đất số 224, diện tích 317,5m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN), tờ bản đồ số 01, bản đồ dự án, xã B (do hộ ông Nguyễn Đ1 đang quản lý, sử dụng) thuộc quy hoạch Dự án Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2 là vào năm 2011.

UBND xã B ban hành Công văn số 270/UBND ngày 02/11/2017 đính chính Công văn số 18/UBND ngày 02/6/2015 về thời điểm xây dựng quán và vật kiến trúc của hộ ông Nguyễn T tại Dự án Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước Khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2 vào năm 2011 là đúng thực tế và thời điểm xây dựng. Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của Chủ tịch UBND xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G, ở thôn Đ, xã B (lần đầu) và Quyết định số 2273/QĐ- UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện B1 về việc giải quyết nội dung khiếu nại của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G (lần hai) là đúng quy định của pháp luật.

** Tại Văn bản ý kiến số 441/UBND ngày 22/12/2021 của UBND xã B và tại phiên tòa, ông Đỗ Minh H1 - Chủ tịch UBND xã B trình bày:*

Đối với yêu cầu hủy Công văn số 270/UBND ngày 02/11/2017 của UBND xã B:

Thông tin thửa đất: Thửa đất mà hộ ông Nguyễn T có công trình xây dựng tại dự án: Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước khu dịch vụ dầu khí D2, thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Đ1 và bà Trần Thị N1 (vợ ông Nguyễn Đ1), thửa đất số 224/348,0m², loại đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất: thôn Tuyết Diêm 3, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 15/6/2011, ông Nguyễn T có đơn xin phép xây dựng quán tại thửa đất nêu trên, đơn được ông Lê Quang S1 - Nguyên Chủ tịch UBND xã B thống nhất xác nhận ngày 17/6/2021. Tuy nhiên, việc thống nhất cho xây dựng quán trên đất nông nghiệp là không đúng quy định của pháp luật, vi phạm nguyên tắc sử dụng đất.

Thực hiện Thông báo số 48/TB-UBND ngày 28/02/2014 của UBND huyện B1 về việc thu hồi đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để xây dựng sự án: Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước dự án Dịch vụ dầu khí tổng hợp D2, xã B. Trên cơ sở tự kê khai thời điểm xây dựng công trình, vật kiến trúc của hộ ông Nguyễn T là vào tháng 02/2000. Ngày 02/06/2015, Chủ tịch UBND xã B ban hành Công văn số 18/UBND về việc đề nghị xem xét bồi thường, hỗ trợ vật

kiến trúc cho hộ ông Nguyễn T thuộc dự án: Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước dự án Dịch vụ dầu khí tổng hợp D2, trong đó xác nhận thời điểm xây dựng quán của hộ ông Nguyễn T là vào tháng 02/2000. Đến ngày 02/10/2017, họp Hội đồng tư vấn của xã để giải quyết vướng mắc ở dự án: Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước dự án Dịch vụ dầu khí tổng hợp D2, trong quá trình họp Hội đồng tư vấn xét duyệt dự án của xã xác định thời điểm xây dựng thực tế của hộ ông Nguyễn T có công trình xây dựng tại vị trí dự án là năm 2011. Do đó, đến ngày 02/11/2017, UBND xã B ban hành Công văn số 270/UBND xin đính chính Công văn số 18/UBND ngày 02/06/2015 về việc đề nghị xem xét bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc cho hộ ông Nguyễn T thuộc dự án: Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước Khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2, trong đó đính chính lại việc xác nhận thời điểm bắt đầu xây dựng nhà, quán và vật kiến trúc của hộ ông Nguyễn T tại mặt bằng dự án: Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước Khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2.

Việc xác nhận thời điểm bắt đầu xây dựng nhà, quán và vật kiến trúc của hộ ông Nguyễn T tại mặt bằng dự án: Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước Khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2 là dựa trên cơ sở thực tế và việc viện dẫn thời điểm xây dựng công trình, vật kiến trúc ở các dự án khác mà chưa được bồi thường, hỗ trợ để yêu cầu xác nhận thời điểm xây dựng công trình, vật kiến trúc tại vị trí mặt bằng dự án: Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước Khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2 là không có cơ sở.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định 96/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của Chủ tịch UBND xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G, ở thôn Đ, xã B (lần đầu): Chủ tịch UBND xã B đã giải quyết khiếu nại lần đầu, thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

** Tại Văn bản ý kiến số 3435/UBND-NC ngày 11/11/2022 của UBND huyện B1 và quá trình giải quyết vụ án ông Ngô Văn D1 — Phó Chủ tịch UBND huyện B1 trình bày:*

Về quy hoạch Dự án Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước trước khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2:

Khu vực xây dựng Dự án Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước trước khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2 (thuộc xã B), huyện B1 vào năm 2014 nằm trong phạm vi quy hoạch Khu kinh tế D2 (trước đây là quy hoạch Khu Công nghiệp D2), cụ thể:

Thuộc Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/10.000 Khu Kinh tế D2, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 20/01/2011.

Thuộc Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp phía Đông D2 (điều chỉnh) tỷ lệ 1/2.000 đã được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 21/3/2013.

Vị trí này đã được Ban Quản lý thỏa thuận tạm phân diện tích phía trước dự án Khu dịch vụ dầu khí tổng hợp để làm đường vào tại Công văn số 65/BQL- QHXD ngày 22/01/2014; có bản vẽ vị trí tọa độ kèm theo *(thể hiện rõ vị trí này thuộc đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/10.000 Khu Kinh tế D2, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp phía Đông D2 (điều chỉnh) tỷ lệ 1/2.000; bản vẽ chi tiết kèm theo 02 đồ án quy hoạch nêu trên bao gồm nhiều bản vẽ A0 ghép lại).*

Về thu hồi, bồi thường cho hộ ông Nguyễn Đ1:

Về hồ sơ địa chính chứng minh thửa đất số 224 là đất trồng cây lâu năm và cung cấp hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Đ1 tại thửa đất số 224, bao gồm: Bảng kết quả xác minh, lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất lập ngày 25/7/2017 tại thửa đất số 224, loại đất trồng cây lâu năm (CLN), tờ bản đồ số 1, bản đồ dự án, xã B do hộ ông Nguyễn Đ1 đang quản lý, sử dụng; Giấy xác nhận về quyền sử dụng đất lập ngày 25/7/2017 tại thửa đất số 224, loại đất trồng cây lâu năm (CLN), tờ bản đồ số 1, bản đồ dự án, xã B do hộ ông Nguyễn Đ1 đang quản lý, sử dụng; Hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 224, loại đất trồng cây lâu năm (CLN), tờ bản đồ số 1, bản đồ dự án, xã B do hộ ông Nguyễn Đ1 đang quản lý, sử dụng; Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của UBND huyện thu hồi đất đang sử dụng của hộ ông Nguyễn Đ1, thu hồi diện tích 317,5m² thuộc thửa đất số 224, tờ bản đồ số 1, bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 16/01/2015, xã B, loại đất trồng cây lâu năm (CLN); Quyết định số 3876/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của UBND huyện bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Đ1.

Về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn N2, hộ ông Phùng Quang H2:

Căn cứ tờ bản đồ số 32, bản đồ năm 2015 và tờ bản đồ số 01, Bản đồ thực hiện Dự án Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước Khu dịch vụ tổng hợp Dầu khí D2 *(được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 16/01/2015)*, thể hiện thửa đất số 225, diện tích 336m² thuộc một phần thửa đất số 59, diện tích 1.242m² *(gọi tắt thửa đất số 59)* do hộ bà Ngô Thị Thích quản lý, sử dụng. Khoảng năm 2010-2011, bà Ngô Thị Thích cho ông Nguyễn N2 và ông Phùng Quang H2 thuê một phần thửa đất trên để xây dựng vật kiến trúc *(quán)* kinh doanh, buôn bán. Đến năm 2014, toàn bộ vật kiến trúc của các hộ dân nêu trên xây dựng tại thửa đất số 59 nằm trong quy hoạch Dự án trên, được UBND xã B

xác định xây dựng trên đất nông nghiệp (CLN) trong khoảng thời gian từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 và vi phạm quy hoạch Khu dịch vụ tổng hợp Dầu khí D2 nên được hỗ trợ tỉ lệ 20% theo quy định tại điểm b khoản 16 Điều 26 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Đến ngày 17/01/2018, UBND huyện ban hành Công văn số 145/UBND-DQ ngày 17/01/2018 về việc xác định loại đất theo hiện trạng sử dụng đó, UBND huyện thống nhất xác định loại đất đúng theo mục đích, hiện trạng sử dụng đất đối với thửa đất số 225, diện tích 336m², tờ bản đồ số 32, xã B, loại đất ở nông thôn (ONT); căn cứ quy định tại Điều 89 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 14 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, thửa đất trên đủ điều kiện bồi thường đất ở nông thôn nên tài sản, vật kiến trúc được xây dựng trên đất của hộ ông Nguyễn N2 và ông Phùng Quang H2 đủ điều kiện bồi thường 100%. Trên cơ sở đó, UBND huyện bồi thường, hỗ trợ và bổ sung bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn N2 (*tại các Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 14/8/2017; Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 14/5/2015*) và hộ ông Phùng Quang H2 (*tại các Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 và Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 14/5/2018*) là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, tại thời điểm năm 2014, mặc dù ông Nguyễn N2 và ông Phùng Quang H2 đều kê khai thời điểm xây dựng vật kiến trúc vào năm 2007, năm 2008 và được UBND xã xác nhận, nhưng vẫn chỉ được hỗ trợ 20% đối với vật kiến trúc; đến tháng 01/2018, thửa đất số 225, diện tích 336m² được công nhận lại loại đất ở (ONT) và đủ điều kiện bồi thường đất ở nông thôn nên vật kiến trúc được xây dựng tại thửa đất này đủ điều kiện được bồi thường 100% theo quy định của pháp luật.

Sự khác nhau về quá trình bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T và hộ ông Nguyễn N2, hộ ông Phùng Quang H2:

Hộ ông Nguyễn T xây dựng vật kiến trúc tại thửa đất số 224, diện tích 317,5m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN), tờ bản đồ số 01, bản đồ dự án, xã B (*do hộ ông Nguyễn Đ1 đang quản lý, sử dụng*) vào năm 2011; còn hộ ông Nguyễn N2, hộ ông Phùng Quang H2 mặc dù xây dựng vật kiến trúc vào năm 2011 nhưng tại thửa đất số 225, diện tích 336m², loại đất ở nông thôn (ONT).

Đối với Quyết định số 3877/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của UBND huyện B1 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T:

Tại biên bản làm việc ngày 15/4/2021 với Cơ quan ủy ban Kiểm tra - Thanh tra huyện (*là đơn vị được Chủ tịch UBND huyện giao nhiệm vụ xác minh*

nội dung khiếu nại lần hai của ông Nguyễn T tại Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 06/4/2021), ông Nguyễn T có ý kiến chỉ khiếu nại thời điểm xác nhận việc xây dựng vật kiến trúc trên đất (lều, quán bán cơm), không yêu cầu, khiếu nại nội dung khác. Kết quả giải quyết khiếu nại lần hai cho thấy việc UBND huyện ban hành Quyết định số 3877/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T, trong đó hỗ trợ 20% đối với vật kiến trúc trên đất là đúng quy định tại thời điểm thu hồi đất. Như vậy, Quyết định số 3877/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của UBND huyện về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T là đúng quy định của pháp luật.

** Tại Văn bản trình bày ý kiến ghi ngày 09/3/2022 của ông Nguyễn Đ1, bà Trần Thị N1 và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Đ1 trình bày:*

Vào năm 2011, vợ chồng ông có cho ông Nguyễn T (ở cùng xã B) thuê đất để ông T làm quán bán cơm; ông T có đơn xin làm quán ghi ngày 15/6/2011, vợ chồng ông ký tên cho thuê đất được UBND xã B xác nhận ngày 17/6/2011.

Diện tích đất ông Nguyễn T thuê của vợ chồng ông để làm quán khoảng 400m², loại đất nông nghiệp, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông không nhớ số thửa, tờ bản đồ. Trên đất này vợ chồng ông chỉ cho ông Nguyễn T thuê, ngoài ra không có ai khác. Hiện nay, diện tích đất này đã bị UBND huyện B1 thu hồi để thực hiện dự án Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước dự án Dịch vụ dầu khí tổng hợp D2; vợ chồng ông đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ về đất và không có thắc mắc, khiếu nại gì. Về quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ, vợ chồng ông không được nhận nên không có đề cung cấp cho Tòa án.

Theo ông bà được biết, năm 2000 ông T đã xây dựng quán bán cơm nhưng ở vị trí khác, sau đó trùng dự án mở đường nên ông T di dời quán đến trước thửa đất của vợ chồng ông, rồi quán của ông T tiếp tục trùng dự án mở đường nên năm 2011 ông T mới thuê đất của vợ chồng ông để làm quán.

Liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T, vợ chồng ông có ý kiến đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn T 100%.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 34/2022/HC- ST ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 6, khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điểm a khoản 1 Điều 64, điểm b khoản 1 Điều 69, khoản 1 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 16 Điều 26 ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND

ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Điều 17, khoản 2 Điều 18, các Điều 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật khiếu nại năm 2011; các Điều 5, 6, 7, 10, 11, 18, 21 và Điều 22 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 270/UBND ngày 02/11/2017 của UBND xã B về việc xin đình chính Công văn số 18/UBND ngày 02/6/2015 của Chủ tịch UBND xã B;

- Hủy Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của Chủ tịch UBND xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G ở thôn Đ, xã B (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện B1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị G, cùng thường trú ở thôn Đ, xã B, huyện B1 (lần hai).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 20/12/2022, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông, Bà.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị G, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị G, nhận thấy:

- Ông Nguyễn Đ1, bà Trần Thị N1 là người cho ông Nguyễn T thuê đất làm quán trình bày: Vào năm 2011, vợ chồng ông có cho ông Nguyễn T thuê đất để làm quán bán cơm; ông T có đơn xin làm quán ghi ngày 15/6/2011, vợ chồng Ông ký tên cho thuê đất được UBND xã B xác nhận ngày 17/6/2011. Đồng thời ông, bà được biết năm 2000 ông T đã xây dựng quán bán cơm nhưng ở vị trí khác, sau đó trùng dự án mở đường nên ông T di dời quán đến trước thửa đất của vợ chồng ông, rồi quán của ông T tiếp tục trùng dự án mở đường nên năm 2011 ông T mới thuê đất của vợ chồng ông để làm quán.

- Quá trình làm việc với Tòa án cấp sơ thẩm, các ông Nguyễn N2, Dương Đình T2, Lê Quang S1 ... (là những người sống cùng địa phương) cũng xác định quán ông T xây dựng năm 2011 là quán được di dời lần thứ 3, tuy nhiên đây là quán di dời chứ không phải xây mới.

- Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G cũng thừa nhận ông, bà xây dựng quán trên thửa đất thuê của ông Nguyễn Đ1, bà Trần Thị N1 là vào năm 2011, còn thời điểm năm 2000 là ông bà xây dựng quán trên thửa đất khác. Tuy nhiên, quán vợ chồng ông xây dựng năm 2011 không phải là quán mới mà là di dời quán cũ đã được xây dựng vào tháng 02/2000.

Từ viện dẫn trên, có đủ cơ sở xác định ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G xây dựng quán và vật kiến trúc trên thửa đất số 224, tờ bản đồ số 01 thuê của ông Nguyễn Đ1, bà Trần Thị N1 tại mặt bằng Dự án Vườn hoa trang trí tạo cảnh quan trước khu dịch vụ dầu khí tổng hợp D2 là vào năm 2001, là sau thời điểm công bố quy hoạch khu kinh tế Dung Quốc (quy hoạch tháng 5/2000). Như vậy, theo quy định tại điểm b khoản 16 Điều 26 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, thì chỉ hỗ trợ cho ông T, bà G 20% giá trị tài sản là đúng quy định (điểm b khoản 16 Điều 26 quy định: “*Nhà, công trình phục vụ đời sống xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường đất ở thì được hỗ trợ như sau:*

...b) Nhà, công trình phục vụ đời sống xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 thì được hỗ trợ như sau:

- *Xây dựng tại thời điểm chưa có hoặc không vi phạm quy hoạch được cấp có thẩm quyền công bố thì được hỗ trợ bằng 40% giá trị nhà, công trình theo quy định;*

- *Xây dựng tại thời điểm vi phạm quy hoạch được cấp có thẩm quyền công bố thì được hỗ trợ bằng 20% giá trị nhà, công trình theo quy định;”*

Do đó, án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Miễn án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị G.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 6, khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điểm a khoản 1 Điều 64, điểm b khoản 1 Điều 69, khoản 1 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 16 Điều 26 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu:

- Hủy Công văn số 270/UBND ngày 02/11/2017 của UBND xã B về việc xin đình chính Công văn số 18/UBND ngày 02/6/2015 của Chủ tịch UBND xã B;

- Hủy Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của Chủ tịch UBND xã B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị G ở thôn Đ, xã B (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 2273/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện B1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị G, cùng thường trú ở thôn Đ, xã B, huyện B1 (lần hai).

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo Bản án hành chính sơ thẩm số 34/2022/HC-ST ngày 09/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004984 ngày 12/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Miễn án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị G.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án DS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, TL;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào